

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HSST
Ngày: 18/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Hùng Cường và bà Điều Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lý Văn Hôn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2020; đối với bị cáo:

ĐIỀU T(tên gọi khác: H), sinh năm: 1998; Hộ khẩu thường trú: thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: S'tiêng; tôn giáo: không ; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: không; con ông Điều X, sinh năm 1965 và bà Điều Thị V, sinh năm 1974; bị cáo có vợ tên Điều Thị L, sinh năm 1998 và có 01 người con sinh năm 2018; tiền án: Ngày 22/11/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09(chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự số: 62/HSST đến ngày 06/5/2019 bị cáo chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích ; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 25/10/2019 đến nay. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Bị hại: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Điều Th, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt).

- Người làm chứng: Điều Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 18/8/2019, Điều Th điều khiển xe mô tô (hiệu Dream, màu nâu, không biển biển kiểm soát) chở Điều T đi chơi. Khi đi đến khu vực thôn 7, xã T, huyện B, T nhìn thấy nhà trong vườn của ông Nguyễn Văn Q khóa cửa ngoài, không có người trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài và nói với Th, Th đồng ý. Th chở T đến bên hông nhà ông Q, dựng xe đứng canh giới cho T, T đi xung quanh nhà tìm tài sản để lấy trộm. T nhìn qua cửa sổ (cửa sổ mở) thấy một bình ắc quy nhãn hiệu GS, loại 100AH, 12V, màu trắng để ở phòng ngủ. T quay ra nói với Th “có cái bình ắc quy này bạn”, Th nói “lấy đi bạn”, T đi ra phía sau nhà nhặt một cây tre dài khoảng 04m, màu vàng thò qua cửa sổ đẩy chốt cửa bên hông nhà. Sau khi mở được cửa, T đi vào trong lấy bình ắc quy mang ra chỗ Th. Sau đó, T và Th chở bình ắc quy đi bán, khi đi đến khu vực thị trấn T thì nhìn thấy một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) đi mua ve chai, nên T và Th bán bình ắc quy với giá 350.000đ(ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 27/8/2019, ông Q trình báo sự việc bị trộm cắp tài sản đến CQCSĐT Công an huyện B.

Căn cứ kết quả xác minh, điều tra, ngày 24/10/2019 CQCSĐT Công an huyện B quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt, tạm giam Điều T về tội trộm cắp tài sản theo Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 56/2019/BKL-ĐGTS ngày 27/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: 01 bình ắc quy nhãn hiệu GS, loại 100AH, 12V, màu trắng, chất lượng sử dụng 50% là 1.048.500 đồng (một triệu không trăm bốn tám nghìn năm trăm nghìn).

Cáo trạng số: 06/CTr - VKS ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Điều T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và kết luận.

Bị hại Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá 01 bình ắc quy nhãn hiệu GS, loại 100AH, 12V là 2.150.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng; đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 06(sáu) tháng đến 09(chín) tháng tù.

Bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 10 giờ ngày 18/8/2019, tại khu vực thôn 7, xã T, huyện B bị cáo Điều T và Điều Th đã có hành vi lợi dụng sự vắng nhà của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt 01(một) bình ắc quy nhãn hiệu GS, loại 100AH, 12V thuộc sở hữu hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn Q. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 1.048.500đồng. Trị giá tài sản này chưa đủ định lượng cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên, ngày 22/11/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09(chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự số: 62/HSST đến ngày 06/5/2019 bị cáo chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích. Đến ngày 18/8/2019, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nên hành vi chiếm đoạt tài sản lần này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Điều T đồng ý bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Q 2.150.000đ(hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo cho bị hại, không vi phạm đạo đức, không vi phạm điều cấm của luật; HĐXX ghi nhận.

Đối với Điều T là người đã cùng với Điều Th thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, do Điều Th không có tiền án, trị giá tài sản không đủ 2.000.000 đồng nên hành vi của Điều Th không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Điều Th là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01(một) hiệu Dream, màu nâu, không biển biển kiểm soát là phương tiện Điều T và Điều Th sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp và một đoạn cây tre dài khoảng 04m, màu vàng, cơ quan điều tra Công an huyện B không thu hồi được nên không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không xét.

[9] Xét, đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Điều T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Điều T 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam (ngày 25/10/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, khoản 1 Điều 586, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại, cụ thể như sau:

Bị cáo Điều T bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Q 2.150.000đ(hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Công an huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Quang Lâm